



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	7 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 31



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dược Enlie (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét.

Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 29/12/2005 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 07/07/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 60.000.000.000 VNĐ

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2023: 60.000.000.000 VNĐ

Hội đồng Quản trị Công ty gồm:

Ông	: Phan Thanh Long	Chủ tịch HĐQT
Ông	: Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông	: An Mạnh Hùng	Thành viên
Ông	: Lê Minh Trí	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm:

Ông	: An Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông	: Lê Sỹ Tuấn	Giám đốc sản xuất
Ông	: Võ Việt Hùng	Giám đốc chất lượng

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Số: ~~564~~.../BCSX/TC/2023/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Dược Enlie**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Enlie “Công ty”, được lập ngày 09 tháng 08 năm 2023, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với

chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

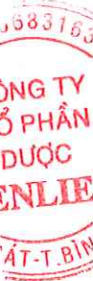
Tp. HCM, ngày .09... tháng .8... năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



LÊ ĐÌNH ÁI

Giấy CNĐKHNKT số 3770-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.191.125.459	61.319.035.296
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.483.130.768	1.076.416.989
1 . Tiền	111	V.1	1.483.130.768	1.076.416.989
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.076.022.294	27.794.183.242
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.500.976.011	24.835.064.597
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.111.968.602	2.270.606.044
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.102.813.405	1.350.584.924
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(662.072.323)	(662.072.323)
5 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139		22.336.599	-
IV . Hàng tồn kho	140	V.6	33.490.956.418	29.613.208.263
1 . Hàng tồn kho	141		33.490.956.418	29.613.208.263
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		3.141.015.979	2.835.226.802
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	480.949.099	432.516.934
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	2.566.399.976	2.340.250.615
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	93.666.904	62.459.253
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.201.931.531	51.537.051.940
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		555.000	555.000
1 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	555.000	555.000
II . Tài sản cố định	220		39.194.106.171	40.217.780.338
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	39.194.106.171	40.217.780.338
- Nguyên giá	222		96.096.454.037	95.194.142.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.902.347.866)	(54.976.361.699)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		319.090.900	319.090.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(319.090.900)	(319.090.900)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	5.000.000.000
1 . Đầu tư vào công ty con	251	V.11	5.000.000.000	5.000.000.000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		6.007.270.360	6.318.716.602
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	6.007.270.360	6.318.716.602
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.393.056.990	112.856.087.236



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2023

MẪU B 01 – DN**Đơn vị: VNĐ**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		65.056.926.513	68.172.639.784
I . Nợ ngắn hạn	310		61.174.264.093	64.525.681.364
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	10.791.164.201	13.199.196.726
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.777.942.891	13.711.224.027
3 . Phải trả người lao động	314		1.447.779.415	1.245.846.200
4 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315		619.957.391	533.777.249
5 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.417.788.570	2.652.824.700
6 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	34.990.639.735	32.828.786.822
7 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		128.991.890	354.025.640
II . Nợ dài hạn	330		3.882.662.420	3.646.958.420
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.14	62.851.250	62.851.250
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	3.819.811.170	3.584.107.170
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.336.130.477	44.683.447.452
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.16	36.336.130.477	44.683.447.452
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		24.103.060	24.103.060
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.687.972.583)	(15.340.655.608)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.340.655.608)	(12.525.224.274)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(8.347.316.975)	(2.815.431.334)
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.393.056.990	112.856.087.236



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH
Bình Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2023



Kế toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



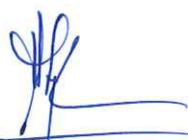
Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023

MẪU B 02-DN**Đơn vị: VNĐ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		46.358.312.574	40.779.775.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		270.441.848	2.954.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	46.087.870.726	40.776.820.326
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	49.172.343.095	37.069.145.661
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.084.472.369)	3.707.674.665
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	389.497.957	841.884.460
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.848.915.137	886.804.564
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.828.602.733	886.804.564
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	478.627.541	151.551.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.473.790.706	3.367.616.882
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ HĐKD	30		(8.496.307.796)	143.586.510
11. Thu nhập khác	31		148.990.822	15.100.000
12. Chi phí khác	32		1	38.282.385
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	40	VI.7	148.990.821	(23.182.385)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(8.347.316.975)	120.404.125
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	60		(8.347.316.975)	120.404.125



Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2023



Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG

Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	(8.347.316.975)	120.404.125
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.925.986.167	1.478.067.494
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(119.022.521)	(318.147.741)
- Chi phí lãi vay	06	1.828.602.733	886.804.564
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.711.750.596)	2.167.128.442
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	14.460.803.936	(7.229.613.870)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(3.877.748.155)	(18.690.104.071)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(5.273.986.434)	15.872.506.597
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	263.014.077	(178.878.234)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.828.602.733)	(1.027.096.644)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(25.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(225.033.750)	(36.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.193.303.655)	(9.147.057.780)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(902.312.000)	(5.860.580.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	15.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	119.022.521	303.147.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(783.289.479)	(5.542.432.259)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	31.634.579.121	37.277.504.768
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.237.022.208)	(20.432.413.877)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.250.000)	(12.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.383.306.913	16.832.210.891
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	406.713.779	2.142.720.852
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.076.416.989	1.387.283.547
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	1.483.130.768	3.530.004.399

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG

Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2023

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 29/12/2005 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 07/07/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính đặt tại Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023.

6. Tổng số nhân viên tại ngày 30/06/2023: 135 nhân viên (Ngày 01/01/2023: 139 nhân viên)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2023, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

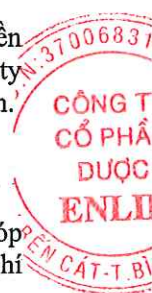
Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào công ty con được thành lập theo quy định của pháp luật phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Tài sản cố định và khấu hao

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm trích khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	05 – 08 năm
Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: tiền thuê đất và công cụ dụng cụ tại văn phòng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Tiền thuê đất:

Tiền thuê đất đã trả cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 35 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong năm: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

11. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

12. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Hội đồng Quản trị hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	23.870.193	51.736.975
VNĐ	23.870.193	51.736.975
Tiền gửi ngân hàng	1.459.260.575	1.024.680.014
VNĐ	1.459.260.575	1.024.680.014
Cộng	1.483.130.768	1.076.416.989

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.500.976.011	24.835.064.597
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	1.525.005.747	19.392.216.187
Công ty CP Dược Đại Nam	2.528.236.996	-
Công ty Cổ phần TM và Dược phẩm Việt Nga	1.789.060.375	1.838.987.875
Công Ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương	1.743.948.183	1.743.948.183
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	914.724.710	1.859.912.352
Cộng	8.500.976.011	24.835.064.597

Trong đó:

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ bên liên quan		
Công ty CP Dược Đại Nam	2.528.236.996	-
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	1.525.005.747	19.392.216.187
Cộng	4.053.242.743	19.392.216.187

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.111.968.602	2.270.606.044
Công ty TNHH XD Và TM Tổng hợp Sông Châu	1.234.440.800	1.224.612.800
Aristopharma Ltd.	1.455.257.588	669.362.475
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.422.270.214	376.630.769
Cộng	4.111.968.602	2.270.606.044

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

4. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.102.813.405	-	1.350.584.924	-
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	770.887.110	-	882.982.823	-
Tạm ứng cho Dương Chí Dũng	221.038.682	-	430.395.534	-
Tạm ứng cho nhân viên khác	110.887.613	-	37.206.567	-
Phải thu dài hạn khác	555.000	-	555.000	-
Ký cược, ký quỹ	555.000	-	555.000	-
Cộng	1.103.368.405	-	1.351.139.924	-

Trong đó:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác từ bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	770.887.110	-	882.982.823	-
Cộng	770.887.110	-	882.982.823	-

5. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi				
Quầy Imexpharm	191.687.001	-	191.687.001	-
Công ty CP Dược Phẩm An Đông	309.403.452	92.821.036	309.403.452	92.821.036
Công ty TNHH Dược Phẩm - Trang Thiết Bị Y Tế Thịnh Phát	249.995.000	-	249.995.000	-
Khách hàng khác	3.807.906	-	3.807.906	-
Cộng	754.893.359	92.821.036	754.893.359	92.821.036

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	21.293.275.540	-	20.091.347.255	-
Công cụ, dụng cụ	5.506.939	-	5.506.939	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.592.904.033	-	9.162.781.991	-
Thành phẩm	2.599.269.906	-	331.235.479	-
Hàng gửi bán	-	-	22.336.599	-
Cộng	33.490.956.418	-	29.613.208.263	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn	480.949.099	432.516.934
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	374.792.221	374.806.099
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	106.156.878	57.710.835
Chi phí trả trước dài hạn	6.007.270.360	6.318.716.602
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	539.626.391	610.316.139
Tiền thuê đất trả trước (*)	4.217.146.422	4.299.835.566
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.250.497.547	1.408.564.897
Cộng	6.488.219.459	6.751.233.536

(*) Là quyền sử dụng đất có thời hạn theo giấy chứng nhận số BA 163323 cấp ngày 10/08/2010 tại địa chỉ thửa đất số B-8-CN và B-7B-CN KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 41.657 m². Thời hạn sử dụng đến tháng 01/2055.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	30/06/2023
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế và các khoản phải thu nhà nước				
Thuế GTGT	2.340.250.615	2.526.106.152	2.752.255.513	2.566.399.976
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.057.867.510	1.057.867.510	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	606.438	606.438	-
Thuế TNCN	62.459.253	62.117.064	93.324.715	93.666.904
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.402.709.868	3.649.697.164	3.907.054.176	2.660.066.880

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2023	41.509.351.393	48.719.760.558	2.846.879.081	253.911.155	1.864.239.850	95.194.142.037
Tăng trong kỳ	-	902.312.000	-	-	-	902.312.000
Mua trong kỳ	-	902.312.000	-	-	-	902.312.000
Tại ngày 30/06/2023	41.509.351.393	49.622.072.558	2.846.879.081	253.911.155	1.864.239.850	96.096.454.037
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2023	18.014.186.058	33.906.122.579	1.614.099.970	253.911.155	1.188.041.937	54.976.361.699
Tăng trong kỳ	745.488.816	1.053.072.729	100.006.002	-	27.418.620	1.925.986.167
Khấu hao trong kỳ	745.488.816	1.053.072.729	100.006.002	-	27.418.620	1.925.986.167
Tại ngày 30/06/2023	18.759.674.874	34.959.195.308	1.714.105.972	253.911.155	1.215.460.557	56.902.347.866
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	23.495.165.335	14.813.637.979	1.232.779.111	-	676.197.913	40.217.780.338
Tại ngày 30/06/2023	22.749.676.519	14.662.877.250	1.132.773.109	-	648.779.293	39.194.106.171

* Giá trị còn lại của tài sản đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.336.951.847 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.282.353.891 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 30/06/2023	319.090.900	319.090.900
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 30/06/2023	319.090.900	319.090.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 30/06/2023	-	-

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 319.090.900 VNĐ.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào công ty con	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000

Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3702821179, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 25 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dược Enlie với số tiền là 5.000.000.000 VNĐ, tương ứng 100% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

12. PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn	10.791.164.201	10.791.164.201	13.199.196.726	13.199.196.726
Công ty TNHH Suheung Việt Nam	736.848.000	736.848.000	1.313.025.000	1.313.025.000
Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành	1.580.370.990	1.580.370.990	934.022.582	934.022.582
Công Ty TNHH MTV Dược Anpharma	549.386.922	549.386.922	3.809.630.150	3.809.630.150
Công ty Cổ phần TB VT KHKT và Du Lịch Trung Sơn T.S.S.E	-	-	1.540.000.000	1.540.000.000
CHEIRON PHARMA GMBH & CO.KG	2.460.924.000	2.460.924.000	-	-
Công ty CP Hóa Dược Quốc Tế Phương Nam	1.291.663.500	1.291.663.500	1.091.050.350	1.091.050.350
Phải trả người bán ngắn hạn khác	4.171.970.789	4.171.970.789	4.511.468.644	4.511.468.644
Cộng	10.791.164.201	10.791.164.201	13.199.196.726	13.199.196.726

Trong đó:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải trả cho bên liên quan				
Công ty CP Dược Đại Nam	69.334.681	69.334.681	69.334.681	69.334.681
Cộng	69.334.681	69.334.681	69.334.681	69.334.681

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.777.942.891	13.711.224.027
Công ty TNHH Đại Bắc	3.869.817.762	3.736.588.100
Công ty CP Dược Đại Nam	-	8.143.110.020
Công ty TNHH Dược Phẩm QM Pharma	1.129.327.252	264.062.227
Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	1.778.797.877	1.567.463.680
Cộng	6.777.942.891	13.711.224.027

Trong đó:

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Bên liên quan trả tiền trước		
Công ty CP Dược Đại Nam	-	8.143.110.020
Cộng	-	8.143.110.020

14. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Phải trả ngắn hạn khác	6.417.788.570	2.652.824.700
Kinh phí công đoàn	19.983.870	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.893.730.000	134.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.475.144.000	2.489.394.000
Phải trả ngắn hạn khác	28.930.700	28.930.700
Phải trả dài hạn khác	62.851.250	62.851.250
Phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động	62.851.250	62.851.250
Cộng	6.480.639.820	2.715.675.950

Trong đó:

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Phải trả khác cho bên liên quan		
Công ty CP Dược Đại Nam	3.000.000.000	-
Cộng	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		01/01/2023	Trong kỳ		30/06/2023
		Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn		32.828.786.822	30.094.579.121	28.240.766.208	34.990.639.735
Vay các cá nhân	(15.1)	6.390.000.000	585.840.000	3.990.000.000	2.985.840.000
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(15.2)	24.702.974.822	29.508.739.121	24.250.766.208	29.960.947.735
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		<i>1.735.812.000</i>			<i>2.043.852.000</i>
Vay dài hạn		3.584.107.170	1.540.000.000	996.256.000	3.819.811.170
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(15.3)	5.319.919.170	1.540.000.000	996.256.000	5.863.663.170
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		<i>(1.735.812.000)</i>			<i>(2.043.852.000)</i>
Cộng		36.412.893.992	31.634.579.121	29.237.022.208	38.810.450.905

(15.1) Các hợp đồng vay ngắn hạn cá nhân. Thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Lãi suất từ 8%/năm đến 11,2%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(15.2) Vay ngắn hạn NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3936886/HĐTD ngày 12/12/2022. Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/11/2023. Thời hạn vay quy định theo từng lần phát sinh nhưng không quá 12 tháng. Lãi suất vay quy định theo từng lần phát sinh. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là danh mục tài sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/3936886/HĐBĐ ngày 21/08/2020.

(15.3) Vay dài hạn NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3936886/HĐTD ngày 12/08/2019, 02/2019/3936886/HĐTD ngày 23/09/2019, 01/2020/3936886/HĐTD ngày 21/09/2020, 01/2022/3936886/HĐTD ngày 11/05/2022. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay từ 9,5 - 10,2%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là danh mục tài sản theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/3936886/HĐTC ngày 19/07/2012, số 02/2012/3936886/HĐTC ngày 22/11/2012 và số 01/2019/3936886/HĐBĐ ngày 23/09/2019, hợp đồng thế chấp số 01/2020/3936886/HĐBĐ ngày 20/02/2020 và số 02/2020/3936886/HĐBĐ ngày 21/08/2020, hợp đồng thế chấp số 01/2022/3936886/HĐBĐ ngày 11/05/2022.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2023/3936886/HĐTD ngày 13/01/2023. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 11%/năm. Mục đích vay: Thanh toán (01) hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV Model: LC-2050 và (02) hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò PDA có chức năng làm lạnh mẫu Model: LC-2050C 3D. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là danh mục tài sản theo hợp đồng thế chấp số 01/2022/3936886/HĐBĐ ngày 15/12/2022 và hợp đồng thế chấp số 01/2023/3936886/HĐBĐ ngày 13/01/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	2.043.852.000	1.735.812.000
Trong năm thứ hai	1.793.044.478	1.639.119.153
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.026.766.692	1.944.988.017
Cộng	5.863.663.170	5.319.919.170
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>(2.043.852.000)</i>	<i>(1.735.812.000)</i>
Số phải trả sau 12 tháng	3.819.811.170	3.584.107.170

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	Vốn Điều lệ đăng ký theo			Vốn góp thực tế tại ngày		
	Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp			30/06/2023		
	VNĐ	Cổ phần	%	VNĐ	Cổ phần	%
Công ty CP Dược Đại Nam	40.402.000.000	4.040.200,00	67,34%	40.402.000.000	4.040.200,00	67,34%
Công ty CP Dược Hậu Giang	1.750.000.000	175.000,00	2,92%	1.750.000.000	175.000,00	2,92%
Các cổ đông khác	17.848.000.000	1.784.800,00	29,75%	17.848.000.000	1.784.800,00	29,75%
Cộng	60.000.000.000	6.000.000,00	100,00%	60.000.000.000	6.000.000,00	100,00%

Thay đổi của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2022	60.000.000.000	24.103.060	(12.525.224.274)	47.498.878.786
Lãi trong kỳ	-	-	120.404.125	120.404.125
Tại ngày 30/06/2022	60.000.000.000	24.103.060	(12.404.820.149)	47.619.282.911
Tại ngày 01/01/2023	60.000.000.000	24.103.060	(15.340.655.608)	44.683.447.452
Lỗ trong kỳ	-	-	(8.347.316.975)	(8.347.316.975)
Tại ngày 30/06/2023	60.000.000.000	24.103.060	(23.687.972.583)	36.336.130.477

Cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2023	01/01/2023	Nguyên nhân
	VND	VND	xóa sổ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.353.900.744	1.353.900.744	Theo thỏa thuận xóa khoản hỗ trợ lãi vay
Công ty TNHH Dược phẩm Hưng Phúc	355.819.281	355.819.281	Không thu hồi được
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	540.040.712	540.040.712	Không thu hồi được
Các khoản trả trước cho người bán	122.981.704	122.981.704	Không thu hồi được
Các khoản phải thu khách hàng	1.272.517.063	1.272.517.063	Không thu hồi được
Số dư cuối năm	3.645.259.504	3.645.259.504	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	46.218.988.731	40.219.017.706
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.323.843	560.757.500
Cộng	46.358.312.574	40.779.775.206
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	268.442.248	441.600
Giảm giá hàng bán	1.999.600	2.513.280
Cộng	270.441.848	2.954.880
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.087.870.726	40.776.820.326

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thành phẩm đã bán	40.046.700.311	30.155.048.778
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	13.000.000	227.409.600
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	9.112.642.784	6.686.687.283
Cộng	49.172.343.095	37.069.145.661



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.686.717	988.151
Cổ tức, lợi nhuận được chia	117.335.804	302.159.590
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	97.957.274	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	172.518.162	538.736.719
Cộng	389.497.957	841.884.460

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi vay	1.828.602.733	886.804.564
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.456.513	-
Chi phí tài chính khác	12.855.891	-
Cộng	1.848.915.137	886.804.564

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	322.364.221	84.096.900
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	52.894.406	530.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.789.132	36.789.132
Chi phí bằng tiền khác	66.579.782	30.134.637
Cộng	478.627.541	151.551.169

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.676.975.930	1.312.764.210
Chi phí mặt bằng	82.689.144	82.689.144
Chi phí đồ dùng văn phòng	90.497.147	310.323.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.839.496	225.839.496
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.641.561	741.211.085
Chi phí bằng tiền khác	401.147.428	691.789.615
Cộng	3.473.790.706	3.367.616.882

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

7. LỢI NHUẬN/ (LỖ) TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	15.000.000
Thu nhập khác	148.990.822	100.000
Cộng	148.990.822	15.100.000
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	-	13.282.385
Chi phí khác	1	25.000.000
Cộng	1	38.282.385
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động khác	148.990.821	(23.182.385)

8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(8.347.316.975)	120.404.125
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	1.656.397.854	227.845.824
Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	2.000.000	93.282.385
Chi phí lãi vay không được trừ	1.654.397.854	134.563.439
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(117.335.804)	(302.159.590)
Thu nhập không chịu thuế	(117.335.804)	(302.159.590)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(6.808.254.925)	46.090.359
Chuyển lỗ	-	(46.090.359)
Thu nhập tính thuế	(6.808.254.925)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoạt động kinh doanh chính	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.208.544.063	29.684.924.390
Chi phí nhân công	11.675.102.954	9.523.862.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.925.986.167	1.478.067.494
Chi phí bằng tiền khác	3.019.102.855	3.432.456.639
Cộng	55.828.736.039	44.119.311.264

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dược Đại Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dược Enlie	Công ty con
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Công ty CP Dược Đại Nam		
Bán hàng	22.755.951.514	1.962.866.000
Cung cấp dịch vụ	10.400.000	-
Mua hàng	14.351.674	-
Công ty TNHH MTV Dược Enlie		
Bán hàng	1.967.479.028	26.257.878.014
Cung cấp dịch vụ	50.832.934	60.000.000
Mua hàng	11.606.590	75.111.310
Lãi chậm thanh toán	172.518.162	538.736.719
Lợi nhuận được phân phối	117.335.804	302.159.590
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thù lao	817.450.000	489.163.626
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:		
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP Dược Đại Nam		
Phải thu của khách hàng	2.528.236.996	-
Phải trả người bán	69.334.681	69.334.681
Người mua trả tiền trước	-	8.143.110.020
Phải trả khác	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dược Enlie		
Phải thu của khách hàng	1.525.005.747	19.392.216.187
Phải thu khác	770.887.110	882.982.823

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Bán thành phẩm	45.948.546.883	40.046.700.311	5.901.846.572
Cung cấp dịch vụ	139.323.843	13.000.000	126.323.843
Cộng	46.087.870.726	40.059.700.311	6.028.170.415

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH
Bình Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp qui, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.